

**TIN TIÊU ĐIỂM:**

**T**ài chính – Ngân hàng  
**Ngân hàng được dùng tối đa 60% vốn ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn**

**Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng tối đa 60% nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn, dài hạn; trong khi đó, tỷ lệ này đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng là 200%. Đây là nội dung của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 20/11/2014 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.**

Bên cạnh quy định về tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn, Thông tư này cũng quy định cụ thể giới hạn góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại và công ty tài chính. Theo đó, mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại, công ty tài chính và các công ty con, công ty liên kết vào một doanh nghiệp không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào doanh nghiệp (bao gồm cả vốn cấp, vốn góp vào các công ty con, công ty liên kết) tối đa là 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng; với công ty tài chính thì mức tối đa là 60% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của công ty tài chính.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính) phải duy trì tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi, cụ thể, đối với ngân hàng thương mại Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tỷ lệ này là 90%; với ngân hàng hợp tác xã, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài là 80%. Riêng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mới thành lập trong 03 năm đầu tiên, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sẽ quy định tỷ lệ cụ thể khác với tỷ lệ nêu trên. Đặc biệt, ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ không phải thực hiện tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi nếu vốn điều lệ, vốn được cấp còn lại sau khi đầu tư, mua sắm tài sản cố định và góp vốn, mua cổ phần lớn hơn dư nợ cho vay.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2015.

**Từ 15/1/2015, phí rút tiền mặt tại Ngân hàng Nhà nước bằng 0,005%**

**Đây là nội dung quy định tại Thông tư số 35/2014/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ban hành ngày 20/11/2014 quy định phí rút tiền mặt qua tài khoản thanh toán tại NHNN.**

Theo đó, từ ngày 15/01/2015, khi rút tiền mặt qua tài khoản thanh toán tại NHNN, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải chịu mức phí rút tiền mặt là 0,005% trên số tiền rút. NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thu phí rút tiền mặt của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài qua tài khoản thanh toán tại đơn vị; hàng năm, chậm nhất ngày 15 của tháng đầu năm tiếp theo ngay sau năm báo cáo, tổng hợp số liệu thu phí rút tiền mặt trong năm báo cáo tại đơn vị, gửi về Vụ Thanh toán hoặc báo cáo theo yêu cầu của Thống đốc NHNN khi cần thiết.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2015.

### **Tổ chức sử dụng vốn Nhà nước chỉ được dùng tiền mặt dưới 20 triệu**

**Ngày 20/11/2014, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 33/2014/TT-NHNN quy định một số trường hợp được thanh toán bằng tiền mặt của các tổ chức sử dụng vốn Nhà nước; trong đó, tổ chức sử dụng vốn Nhà nước được Thông tư này giải thích là những tổ chức có sử dụng vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn đầu tư khác của Nhà nước.**

Những tổ chức này sẽ được dùng tiền mặt trong các trường hợp: Thanh toán tiền thu mua nông, lâm, thủy sản, dịch vụ, sản phẩm khác cho người dân trực tiếp sản xuất, đánh bắt, khai thác bán ra mà chưa có tài khoản thanh toán tại ngân hàng; thanh toán công tác phí, trả lương và các khoản thu nhập khác cho người lao động chưa có tài khoản thanh toán tại ngân hàng; các khoản thanh toán để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh liên quan đến bí mật Nhà nước; việc thanh toán được thực hiện tại các xã, phường, thị trấn thuộc miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng nông thôn chưa có tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; và đặc biệt, trong trường hợp khoản thanh toán với giá trị dưới 20 triệu đồng (trừ khi các khoản thanh toán trong ngày có giá trị dưới 20 triệu đồng cho cùng một mục đích, một đối tượng thanh toán nhưng tổng các khoản thanh toán này lớn hơn 20 triệu đồng).

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện giao dịch rút tiền mặt cho tổ chức sử dụng vốn Nhà nước trên cơ sở tổ chức đó khai báo mục đích rút tiền phù hợp với các trường hợp nêu trên.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2015.

## NHẬN ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT:

*Đầu tư cho người lao động được học tập nâng cao tay nghề là một trong những chiến lược phát triển nguồn nhân lực mà nhiều doanh nghiệp lựa chọn. Tuy nhiên, có những trường hợp người lao động sau khi được đào tạo đã không thực hiện đúng cam kết làm việc cho doanh nghiệp với nhiều lý do khác nhau, dẫn đến doanh nghiệp “vừa mất người, vừa mất của”. Trong số này, NHQuang&Associates xin gửi tới Quý vị một số phân tích từ góc nhìn pháp lý liên quan đến vấn đề hoàn trả chi phí đào tạo cho doanh nghiệp trong trường hợp người lao động không thực hiện đúng những cam kết sau đào tạo.*

**Đ**iều 62 Bộ luật Lao động 2012 (BLLĐ) quy định về Hợp đồng đào tạo nghề giữa người sử dụng lao động, người lao động và chi phí đào tạo nghề. Theo quy định này, hai bên phải ký kết hợp đồng đào tạo nghề trong trường hợp người lao động được đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, đào tạo lại ở trong nước hoặc nước ngoài từ kinh phí của người sử dụng lao động, kể cả kinh phí do đối tác tài trợ cho người sử dụng lao động. Một trong những nội dung bắt buộc của Hợp đồng đào tạo nghề giữa người sử dụng lao động và người lao động là trách nhiệm hoàn trả chi phí đào tạo (Điều 62, khoản 2, điểm đ). Chi phí đào tạo bao gồm các khoản chi có chứng từ hợp lệ về chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, trường, lớp, máy, thiết bị, vật liệu thực hành, các chi phí khác hỗ trợ cho người học và tiền lương, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người học trong thời gian đi học; trường hợp người lao động được gửi đi đào tạo ở nước ngoài thì chi phí đào tạo còn bao gồm chi phí đi lại, chi phí sinh hoạt trong thời gian ở nước ngoài (Điều 62, khoản 3).

Điều 43 BLLĐ quy định về nghĩa vụ của người lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

trái pháp luật, theo đó người lao động phải hoàn trả chi phí đào tạo cho người sử dụng lao động theo quy định tại Điều 62 của BLLĐ. Theo quy định tại Điều 41 BLLĐ, tính chất trái pháp luật của hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động được thể hiện ở điểm không tuân thủ đúng các quy định tại Điều 37 BLLĐ quy định về các trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và nghĩa vụ thông báo của người lao động.

Tuy nhiên, vấn đề mà doanh nghiệp (người sử dụng lao động) quan tâm là liệu họ có được hoàn trả chi phí đào tạo hay không trong trường hợp người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đúng pháp luật (không vi phạm nội dung tại Điều 37) nhưng không thực hiện đúng cam kết trong Hợp đồng đào tạo nghề liên quan tới thời hạn làm việc cho doanh nghiệp?

Có quan điểm cho rằng người lao động chỉ phải hoàn trả chi phí đào tạo cho người sử dụng lao động khi người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật (vi phạm Điều 37). Bởi lẽ, việc hoàn trả chi phí đào tạo được quy định như một trong các nghĩa vụ mà người lao động phải thực

hiện khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 43 BLLĐ. Cho tới thời điểm hiện tại (tháng 12/2014), vẫn chưa có văn bản nào hướng dẫn BLLĐ 2012 về vấn đề này, trong khi nội dung này đã từng được quy định tại Nghị định 44/2003/NĐ-CP hướng dẫn BLLĐ 1994 về hợp đồng lao động. Điều đáng nói là Nghị định 44/2003/NĐ-CP đã được thay thế bởi Nghị định 44/2013/NĐ-CP hướng dẫn BLLĐ 2012 về hợp đồng lao động và Nghị định mới không có quy định về trường hợp hoàn trả chi phí đào tạo khi người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Do vậy, người lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không phải hoàn trả chi phí đào tạo.

Đối lập với quan điểm trên, có quan điểm cho rằng khi người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là người lao động đã phá vỡ/vi phạm hợp đồng giữa hai bên. Kể cả trong trường hợp người lao động dù chấm dứt hợp đồng đúng pháp luật (không vi phạm Điều 37 BLLĐ) song vi phạm nội dung cam kết trong Hợp đồng đào tạo nghề thì vẫn phải hoàn trả chi phí đào tạo theo quy định tại Hợp đồng đào tạo nghề. Bởi lẽ, về bản chất, Hợp đồng đào tạo nghề trong trường hợp này hoàn toàn có thể được coi là một Hợp đồng dân sự giữa người lao động và doanh nghiệp, là một thỏa thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, và độc lập với Hợp đồng lao động. Do đó, trường

hợp người lao động không thực hiện đúng cam kết tại Hợp đồng đào tạo nghề sẽ bị coi như vi phạm hợp đồng và phải hoàn trả chi phí đào tạo như hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Và nếu người lao động không hoàn trả chi phí đào tạo, doanh nghiệp hoàn toàn có thể khởi kiện dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Rõ ràng, cần phải có văn bản hướng dẫn BLLĐ về vấn đề hoàn trả chi phí đào tạo trong trường hợp vi phạm cam kết trong Hợp đồng đào tạo nghề giữa người lao động và người sử dụng lao động nhằm giải đáp những băn khoăn của cả doanh nghiệp và người lao động. Tuy nhiên, trong thời gian chờ đợi các văn bản hướng dẫn BLLĐ, nhằm bảo vệ quyền lợi của cả doanh nghiệp và người lao động, các doanh nghiệp/người sử dụng lao động cần chủ động trong việc hạn chế những rủi ro về mặt pháp lý liên quan bằng cách quy định chi tiết và rõ ràng quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong Hợp đồng đào tạo nghề hoặc phụ lục Hợp đồng lao động về đào tạo nghề. Những nội dung thỏa thuận không chỉ bao gồm vấn đề về thời hạn cam kết làm việc mà cả các điều kiện đảm bảo công việc cho người lao động sau khi kết thúc quá trình đào tạo. Việc có những quy định công bằng, rõ ràng với cả hai bên như vậy sẽ khuyến khích được người lao động thực hiện đúng các cam kết sau đào tạo, đồng thời đảm bảo quyền lợi và giảm thiểu rủi ro cho người sử dụng lao động./.

**DANH MỤC VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH TỪ NGÀY  
18/11/2014 ĐẾN NGÀY 25/11/2014**

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành
1.	Nghị định 104/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khung giá đất	14/11/2014
2.	Thông tư 36/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	20/11/2014
3.	Thông tư 35/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định phí rút tiền mặt qua tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	20/11/2014
4.	Thông tư 34/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý tiền ký quỹ của doanh nghiệp kinh doanh lý hành quốc tế	20/11/2014
5.	Thông tư 33/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định một số trường hợp được thanh toán bằng tiền mặt của các tổ chức sử dụng vốn Nhà nước	20/11/2014
6.	Thông tư 32/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 11/2013/TT-NHNN ngày 15/05/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ	18/11/2014
7.	Thông tư 17/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 07/2013/TT-BXD ngày 15/05/2013 và Thông tư 18/2013/TT-BXD ngày 31/10/2013 về hướng dẫn việc xác định các đối tượng được vay vốn hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ	18/11/2014
8.	Nghị định 111/2014/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định niên hạn sử dụng của phương tiện thủy nội địa và niên hạn sử dụng của phương tiện thủy được phép nhập khẩu	20/11/2014
9.	Nghị định 110/2014/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa	20/11/2014
10.	Nghị định 107/2014/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt	17/11/2014

11.	Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế	20/11/2014
12.	Thông tư 16/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc xác định hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm	18/11/2014
13.	Nghị định 112/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền	21/11/2014
14.	Nghị định 109/2014/NĐ-CP của Chính phủ về Quy chế bảo vệ công trình cảng biển và luồng hàng hải	20/11/2014